

CHI NHÁNH PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
KHU VỰC CAM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cam Lâm, ngày tháng 06 năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (ĐỢT 50: 07 TRƯỜNG HỢP) Dự án Khu đô thị mới Cam Lâm

(Kèm theo Thông báo số:/TB-CNKVCL ngày/...../20..... của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm)

I. TỔNG HỢP VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Tổng số trường hợp phê duyệt:	07	Trường hợp
2. Tổng diện tích đất thu hồi:	10974,8	m ²
<i>Trong đó:</i>		
Diện tích đất nông nghiệp:	10974,8	m ²
Diện tích đất phi nông nghiệp:	-	m ²
Đất ở:	-	m ²
Không phải đất ở:	10974,8	m ²
3. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: (3.1+ 3.2)	12.471.750.381	đồng
<i>Bằng chữ: Mười hai tỷ, bốn trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, ba trăm tám mươi một đồng</i>		
3.1 Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:	12.108.495.516	đồng
<i>Trong đó:</i>		
Bồi thường đất:	8.209.358.920	đồng
Bồi thường công trình, vật kiến trúc:	596.463.996	đồng
Bồi thường cây trồng vật nuôi:	524.372.600	đồng
Các khoản hỗ trợ:	2.778.300.000	đồng
Chi phí chính lý giấy tờ đất sau thu hồi:		đồng
3.2 Chi phí tổ chức thực hiện:	363.254.865	đồng
4. Về tái định cư (Kèm theo phương án tái định cư)		
Tổng số trường hợp tái định cư:		trường hợp
Tổng số lô đất bố trí tái định cư:		lô
Tổng diện tích đất tái định cư:		m ²

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi							Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệBT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)				
1	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất							1. BT về đất					1.165.263.998	1.792.911.150				
	Bà: Nguyễn Thị Xuân Phuong	Thôn Tân Phú, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà							Đất trồng cây lâu năm;					m ²	1557,8	748.019	100%	1.165.263.998	
	CCCD:056195005877	Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính															
	Năm sinh: 1995	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Vị trí	TổngDT (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)									
	Địa chỉ thường trú:	164	262	164	104	CLN	Vị trí 1	1584,3	1584,3	-									
	Thôn Tân Lập, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa								- Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.										
	Số nhân khẩu:	Cộng							- Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo 306/TB-HĐTĐ ngày 07/5/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm;										
		Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m ²):							+ Bồi thường đất CLN từ 164 thửa 262 vị trí 1 (trong phạm vi 350m đối với kênh chính Nam).										
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:							2. Nhà, vật kiến trúc					175.521.152					
		Thửa 262 tờ bản đồ số 164 diện tích sử dụng 1584,3m ² , diện tích thực tế tăng 26,5m ² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đo bao đường giao thông (đề xuất không xác lập hồ sơ BTHT)							- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa										
		Các giấy tờ có liên quan:							1) Hàng rào lưới B40, trụ BTCT cao 1,5m, dài 80m (STT 11.1, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)					m dài	80	537.955	100%	43.036.400	
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1777/GXN-PKT ngày 26/05/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.							2) Nhà mái lợp tôn, tường xây gạch 100, tô XM, cao 3m, cửa gỗ thường nền XM, móng đá chẻ 2 lớp (3,7*6,6) (STT1.1 mục A phụ lục kèm theo QĐ 08/2026)					m ²	24,42	3.751.000	100%	91.599.420	
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CN19853, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Cam Lâm cấp ngày 17/04/2026.							3) Nhà vệ sinh độc lập (có hầm tự hoại), tường xây gạch không tô, kèo gỗ, mái lợp tôn, nền XM, cửa gỗ (1,8*2,6) (STT 7, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)					m ²	4,68	6.960.234	100%	32.573.895	
		- Biên bản kiểm kê số 38/BBKK-T12 ngày 08 tháng 04 năm 2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.							4) Mái che lợp tôn, cột kèo gỗ, nền gạch bát trắng (3,2*2) (STT 3.1, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)					m ²	6,4	741.439	105%	4.982.470	Tăng 5% do nền gạch bát trắng
		- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.							5) Khối xây gạch ống (0,25*1,2*1,2) (STT 68, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)					m ³	0,36	9.247.130	100%	3.328.967	
		- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.																	

										6) Ông nhựa BM phi 60, dài 150m	m dài	150		-	100%		-	Chờ xin giá						
										3. Cây trồng								31.520.000						
										- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa														
										Xoài ghép - Loại A	cây	13	2.400.000	100%				31.200.000						
										Dừa xiêm - Loại 1 năm	cây	1	320.000	100%				320.000						
										4. Các chính sách hỗ trợ								420.606.000						
										Đất trồng cây lâu năm	m ²	1557,8	270.000	100%				420.606.000						
										- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau. - Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa: + Bồi thường đất CLN VT 1: 54.000 x 5 = 270.000 đồng/m ²														
										5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất														
										Thu hồi 01 GCNQSDĐ số: CN19853														
2	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất										1. BT về đất				548.821.540	788.806.847							
	Bà: Nguyễn Thị Kiều Thu (UQ Nguyễn Văn Mai)	Thôn Tân Phú, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà										Đất trồng cây lâu năm;				m ²	733,7	748.019	100%	548.821.540				
	CCCD:051178009564	Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	TổngDT (m²)	DTthu hồi (m²)	DT còn lại (m²)	- Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024. - Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo 306/TB-HĐTĐ ngày 07/5/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm;														
	Năm sinh: 1978	Số tờ	Số thửa	Số tờ						Số thửa	CLN	Vị trí 1	742,1	742,1	-	+ Bồi thường đất CLN tờ 167 thửa 153 vị trí 1 (trong phạm vi 350m đối với kênh chính Nam).								
	Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Phú, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	167	153	14						430						742,1	742,1	0						
	Số nhân khẩu:	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):										2. Nhà, vật kiến trúc				16.633.307								
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:										- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa												
		Thửa 153 tờ bản đồ số 167 diện tích sử dụng 742,1m ² , ranh giới thực tế sử dụng có biến động tăng 8,4m ² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do đo bao đường giao thông (để xuất không xác lập hồ sơ BTHT).										1. Ông buy xm (đường kính buy 0,7 dài 0,8m) (STT 81, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)				cầu kiện	3	650.006	95%	1.852.517	Giảm 5% do đường kính buy 0,7 dài 0,8m			
		Các giấy tờ có liên quan:										2. Nền xi măng (có bê tông				m ²	3	230.583	100%	691.749				
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1779/GXN-PKT ngày 26/05/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.																						
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS03043, được Sở																						

	Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 02/12/2019.							lót) (1,5*2) (STT 17, Mục C, Phụ lục kèm theo QĐ08/2026)										
	- Hợp đồng ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kiều Thu ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Mai theo số công chứng 11493 quyền số 12/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại VP công chứng Thuận AN ngày 20/06/2022							3. Hàng rào trụ bê tông cốt thép, lưới B40 cao 1,2m dài 27m(STT 11.1, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)				m dài	27	537.955	97%	14.089.041	Giảm 3% do lưới B40 cao 1,2m	
	- Biên bản kiểm kê số 67/BBKK-T... ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.							3. Cây trồng				25.253.000						
	- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.							- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa										
	- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.																	
								Mít - Loại A				cây	1	1.056.000	100%	1.056.000		
								Xoài ghép - Loại A				cây	8	2.400.000	100%	19.200.000		
								Xoài ghép - Loại B				cây	1	1.931.000	100%	1.931.000		
								Xoài ghép - Loại C				cây	2	1.533.000	100%	3.066.000		
								4. Các chính sách hỗ trợ				198.099.000						
								Đất trồng cây lâu năm				m ²	733,7	270.000	100%	198.099.000		
								- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.										
								- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:										
								+ Bồi thường đất CLN VT 1: 54.000 x 5 = 270.000 đồng/m ²										
								5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất										
								Thu hồi 01 GCNQSDĐ số: CS03043										
3	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất							1. BT về đất				1.380.693.470		1.970.259.470			
	Bà: Mai Thị Hồng Hòa CCCD:056192008631 Năm sinh: 1992 Địa chỉ thường trú: Thôn Bãi Giếng 2, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	Thôn Tân Phú, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà							Đất trồng cây lâu năm;				m ²	1845,8	748.019	100%	1.380.693.470	
		Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	TổngDT (m²)	DTthu hồi (m²)	DT còn lại (m²)	Phía Tây Quốc lộ 1A)							
		Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa						- Dù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.							
		164	323	11	695	CLN	Vị trí 1	1849,8	1849,8	-	- Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo 306/TB-HĐTĐ ngày 07/5/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu							
	Số nhân khẩu:	Cộng							1.849,8	1.849,8	0	đô thị mới Cam Lâm;						
		Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):									-	+ Bồi thường đất CLN tờ 164 thửa 323 vị trí 1 (trong phạm vi 350m).						
		Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:									-	2. Nhà, vật kiến trúc						
		Thửa 323 tờ bản đồ số 164 diện tích sử dụng 1849,8m ² , ranh											- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở					

	- Biên bản kiểm kê số 56/BBKK-T12 ngày 15 tháng 04 năm	Đu đủ - Loại 1 năm	cây	6	62.000	100%	372.000							
	2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.	Xoài ghép - Loại A	cây	4	2.400.000	100%	9.600.000							
	- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.	Xoài ghép - Loại B	cây	1	1.931.000	100%	1.931.000							
	- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.	4. Các chính sách hỗ trợ					67.554.000							
		Đất trồng cây lâu năm	m ²	250,2	270.000	100%	67.554.000							
		- <i>Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</i>												
		- <i>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13</i>												
		<i>Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản</i>												
		<i>10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh</i>												
		<i>Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá</i>												
		<i>hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng</i>												
		<i>nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</i>												
		<i>+ Bồi thường đất CLN VT 1: 54.000 x 5 = 270.000 đồng/m²</i>												
		5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất												
		<i>Thu hồi 01 GCNQSDĐ số: CS09511</i>												
5	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất	1. BT về đất				3.667.163.147	5.543.900.462						
	Ông: Võ Như Thuận	Thôn Tân Phú, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây hàng năm	m ²	2048,9	748.019	100%	1.532.616.129						
	CCCD:052055009755		khác; 164/431; (Thôn Tân											
	Năm sinh: 1953		Phú - Phía Tây Quốc lộ											
	Địa chỉ thường trú:	Bản đồ trích đo	Bản đồ địa chính	Loại đất	Vị trí	TổngDT (m²)	DTthu hồi (m²)	DT còn lại (m²)						
	Thôn Tân Thành, xã Cam	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa									
	Lâm, tỉnh Khánh Hòa													
	Bà: Nguyễn Thị Hận	164	431	11	252	BHK	Vị trí 1	2048,9	2048,9	-				
	CCCD:054156004886	164	420	11	251	BHK	Vị trí 1	2853,6	2853,6	-				
	Năm sinh: 1956	Cộng				4.902,5	4.902,5	0	- <i>Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i>					
	Địa chỉ thường trú:	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):							- <i>Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo 306/TB-HĐTD ngày 07/5/2026 của Hội</i>					
	Thôn Tân Thành, xã Cam	Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:							- <i>đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá</i>					
	Lâm, tỉnh Khánh Hòa								- <i>đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu</i>					
	Số nhân khẩu:	Các giấy tờ có liên quan:							- <i>đô thị mới Cam Lâm;</i>					
		- Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1753/GXN-PKT ngày							+ <i>Bồi thường đất BHK tờ 164 thửa 431 vị trí 1 (trong phạm vi 350m).</i>					
		22/5/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm.							+ <i>Bồi thường đất BHK tờ 164 thửa 420 vị trí 1 (trong phạm vi 350m).</i>					
		2. Nhà, vật kiến trúc							244.988.715					
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH10337, được							- <i>Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ</i>					
		UBND huyện Cam Lâm cấp ngày 06/10/2017.							- <i>08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026</i>					
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS13219, được Sở							- <i>của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở</i>					
		Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 17/8/2022.							- <i>Xây dựng tỉnh Khánh Hòa</i>					
		- Biên bản kiểm kê số 51/BBKK-T12 ngày 14 tháng 04 năm							Thửa 431:					
		2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm.							1) Nhà mái lợp tôn, cột kèo	m ²	28,52	3.751.000	100%	106.978.520

	- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.	sắt, không trần, vách dưng	XD						
	- Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.	tấm Cemboard cao 3,5m,							
		cửa tấm Cemboard, nền lát							
		gạch men, móng đá chẻ 2							
		lớp (4,6*6,2) (STT1.1 mục							
		A phụ lục kèm theo QĐ							
		08/2026)							
		- Diện tích nền lát gạch	m2	28,52	338.256	100%	9.647.061		
		men: (4,6*6,2) (STT38							
		mục A phụ lục I kèm theo							
		QĐ 12/2026)							
		2) Mái che lợp tôn, cột kèo	m2	66,25	1.259.097	110%	91.756.694	Tăng 10% do nền	
		sắt, nền lát gạch men,	XD					gạch men, móng đá	
		móng đá chẻ 2 lớp						chẻ 2 lớp	
		(3,5*8,3)+(9,3*4) (STT							
		4, Mục C, PL kèm theo							
		QĐ08/2026)							
		3) Trụ bê tông cốt thép	m ³	0,54	11.101.357	100%	5.994.733		
		(0,1*0,1*2)*27 (STT 60,							
		Mục C, PL kèm theo							
		QĐ08/2026)							
		4) Hàng rào khung sắt +	m dài	16,6	537.955	100%	8.930.053		
		lưới B40 cao 1,8m, trụ sắt,							
		không móng đá chẻ, dài							
		16,6m (STT 11.1, Mục C,							
		PL kèm theo QĐ08/2026)							
		5) Công trụ sắt, cánh	m2	3,5	3.855.960	85%	11.471.481	Giảm 15% do	
		khung sắt + lưới B40 cao						công trụ sắt	
		2,2m, dài 3,5m (STT 13,							
		Mục C, PL kèm theo							
		QĐ08/2026)							
		6) Buy xi măng đặt nổi	cầu	1	650.006	102%	663.006	Tăng 2% do DK	
		(đường kính buy 1,2m cao	kiện					1,2m	
		1m) (01 cái) (STT 81,							
		Mục C, PL kèm theo							
		QĐ08/2026)							
		7) Ống nhựa BM phi 60, dài	m dài	60	-	100%	-	Chờ xin giá	
		60m							
		Thửa 420:		-	-	0%	-		
		1) Ống nhựa BM phi 60, dài	m dài	110	-	100%	-	Chờ xin giá	
		110m							
		2) Trụ bê tông cốt thép	m ³	0,86	11.101.357	100%	9.547.167		

			(0,1*0,1*2)*43 (STT 60, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)							
			3. Cây trồng						308.073.600	
			- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa							
			*Thửa 431: Diện tích đất trồng cây bằng diện tích đất thu hồi trừ diện tích công trình trong phần Nhà, công trình gắn liền với đất = 2.048,9 - 94,77 = 1954,13 m2					100%		
			Xoài ghép - Loại A	cây	74	2.400.000		100%	177.600.000	
			Xoài ghép - Loại C	cây	4	1.533.000		100%	6.132.000	
			Xoài ghép - Loại C (Vượt mật độ)	cây	4	1.533.000		80%	4.905.600	
			Xoài ghép - Loại 2 năm (Vượt mật độ)	cây	10	315.000		80%	2.520.000	
			*Thửa 420: 2.853,6 m2					100%		
			Xoài ghép - Loại A	cây	40	2.400.000		100%	96.000.000	
			Xoài ghép - Loại C	cây	12	1.533.000		100%	18.396.000	
			Xoài ghép - Loại 2 năm	cây	8	315.000		100%	2.520.000	
			4. Các chính sách hỗ trợ						1.323.675.000	
			Đất trồng cây hàng năm	m ²	2048,9	270.000		100%	553.203.000	
			Đất trồng cây hàng năm	m ²	2853,6	270.000		100%	770.472.000	
			- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau. - Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa: + Bồi thường đất BHK VT 1: 54.000 x 5 = 270.000 đồng/m2							
			5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất							
			Thu hồi 02 GCNQSDĐ số: CH10337, CS13219							
6	Họ và tên:	Chi tiết các thửa đất	1. BT về đất						512.243.411	563.049.427
	Bà: Nguyễn Thu	Thôn Tân Phú Xã Cam Lâm tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây lâu năm;	m ²	684,8	748.019		100%	512.243.411	

Thủy (UQ Trần Võ Kỳ Thanh) CCCD:001184011359 Năm sinh: 1984 Địa chỉ thường trú: 74A Xóm 2 Vĩnh Phúc 2, phường Ngọc Hà, TP. Hà Nội Số nhân khẩu: Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi: Các giấy tờ có liên quan: - Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất số 1759/GXN-PKT ngày 22/5/2026 của Phòng Kinh tế xã Cam Lâm. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS11431, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 11/5/2022. - Hợp đồng ủy quyền của bà Nguyễn Thu Thủy ủy quyền cho ông Trần Võ Kỳ Thanh theo số công chứng 2666 quyền số 01/2023-SCT/CK,ĐC tại VP công chứng Phòng Quân ngày 08/04/2026. - Biên bản kiểm kê số 47/BBKK-T12 ngày 13 tháng 04 năm 2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm. - Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp. - Hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp.	Thôn Tân Phú, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa								164/244; (Thôn Tân Phú - Phía Tây Quốc lộ 1A)													
	Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	TổngDT (m²)	DT thu hồi (m²)	DT còn lại (m²)	- <i>Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i> - <i>Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo 306/TB-HĐTD ngày 07/5/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Cam Lâm về kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm;</i> + <i>Bồi thường đất CLN từ 164 thửa 244 vị trí 1 (trong phạm vi 350m).</i>												
	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa																		
	164	244	11	432	CLN	Vị trí 1	684,8	684,8	-													
	Cộng						684,8	684,8	0													
	Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m²):								-		2. Nhà, vật kiến trúc											
											50.806.016											
											- <i>Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa</i>											
											1) Hàng rào kèm gai 4 sợi, m dài 145,4 375.723 93% 50.806.016 Tăng 3% do trụ BTCT, giảm 10% do không móng											
											12.1.2, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)											
										3. Cây trồng												
										- <i>Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 35/2026/QĐ-UBND ngày 4/5/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và quy định một số nội dung, hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Điều 11 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>												
										Không												
										4. Các chính sách hỗ trợ												
										Đất trồng cây lâu năm m ² 684,8 135.000 0%												
										- <i>Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</i> - <i>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:</i> + <i>Bồi thường đất CLN VT 1: 54.000 x 2,5 = 135.000 đồng/m²</i>												
										5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất												
										Thu hồi 01 GCNQSDĐ số: CS11431												
7	Họ và tên:								Chi tiết các thửa đất								1. BT về đất				748.019.000	1.182.956.806
	Bà: Nguyễn Thị Lùn								Thôn Tân Phú, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa								Đất trồng cây lâu năm; m ² 1.000 748.019 100% 748.019.000					
	CCCD:054179009936																164/391; (Thôn Tân Phú - Phía Tây Quốc lộ 1A)					
	Năm sinh: 1979																- <i>Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i>					
	Địa chỉ thường trú:																- <i>Đơn giá bồi thường: Áp dụng Thông báo 306/TB-HĐTD ngày 07/5/2026 của Hội</i>					
	Thôn Tân Phú, xã Cam																					
	Bản đồ trích đo		Bản đồ địa chính		Loại đất	Vị trí	TổngDT (m²)	DT thu hồi (m²)	DT còn lại (m²)													
	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa																		

			- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.	
			- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa và Điều 9 Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 29/4/2026. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa:	
			+ Bồi thường đất CLN VT 1: $54.000 \times 5 = 270.000$ đồng/m ²	
			5. Thu hồi chỉnh lý GCNQSD đất	
			Thu hồi 01 GCNQSDĐ số: CS11562	

NGƯỜI LẬP

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Thanh Chương